TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:163/2022/QĐST-HNGĐ	*Phú Vang, ngày 20 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH T

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 183/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Trần Thị V, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn C, xã Phú H, huyện P, tỉnh T.

Anh Nguyễn Ch, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn C, xã Phú H, huyện P, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Ch thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:**

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Ch thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Ch có 01 con chung là Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 07/9/2009. Giao con Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 07/9/2009 cho chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Ch đóng tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Trần Thị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Ch chưa thi hành án số tiền cấp dưỡng nuôi con như thỏa thuận ở trên, thì anh Ch phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Ch không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng. Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Ch mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0005037 ngày 01/12/2022 và 0005038 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú V.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã Phú H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Vân